

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/DS-ST

Ngày: 09 - 4 - 2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuân Thu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đoàn Kim Thanh.
2. Bà Lê Thị Thanh Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hoàng N, sinh năm 1980; có mặt.

Địa chỉ: Số 368, đường H, k L, p B, thành phố Đ, tỉnh An Giang.

*2. Bị đơn:* Bà Trương Thúy H, sinh năm 1961; vắng mặt.

Địa chỉ: Số 11/1, đường H, k 3, phường L, thành phố X, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 06/7/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hoàng N trình bày:*

Do mối quan hệ quen biết nên ngày 27/01/2015, bà cho bà Trương Thúy H vay số tiền là 130.000.000 đồng, có lập Hợp đồng vay tiền không xác định thời hạn vay và không tính lãi suất do bà H ký, ghi họ tên và điểm chỉ.

Ngày 10/02/2015, bà H có ghi và ký tên xác nhận vào mặt sau của Hợp đồng vay tiền ngày 10/02/2015 với nội dung : “*Hôm nay 10/02/2015 có nhận của Hoàng N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng)*” để vay tiếp của bà số tiền là

20.000.000 đồng, không xác định thời hạn vay và không tính lãi suất. Lúc này, để làm tin bà H còn đưa cho bà giữ 01 bản chính Giấy chứng minh nhân dân của bà H và 01 thẻ ATM mà bà H mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang.

Đầu năm 2020 do nhu cầu cần lấy lại tiền nên bà có báo cho bà H hay trong kỳ hạn trong vòng 30 ngày phải hoàn trả lại cho bà toàn bộ số tiền của 02 lần vay trên tổng cộng là 150.000.000 đồng. Tuy nhiên khi hết hạn, bà H vẫn không hoàn trả mặc cho sau đó bà nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nên vẫn còn nợ vốn gốc là 150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bà xác định hoàn toàn không có việc bà ép buộc bà H ký tên và điểm chỉ vào Hợp đồng vay tiền ngày 27/01/2015 cũng như biên nhận nợ ghi tại mặt sau của Hợp đồng vay tiền; đồng thời không có việc bà cho bà H vay 03 lần tiền vào năm 2013 tổng cộng là 60.000.000 đồng với mức lãi suất mỗi lần vay là 30%/tháng như bà H đã trình bày tại phiên hòa giải ngày 18/12/2020 tại Tòa án. Do đó, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện ngày 06/7/2020, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà tổng số tiền của 02 lần vay còn nợ vốn gốc là 150.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi phát sinh. Đối với 01 bản chính Giấy chứng minh nhân dân của bà H và 01 thẻ ATM của bà H mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang thì bà đồng ý hoàn trả lại cho bà H.

*Tại biên bản hòa giải ngày 18/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, bị đơn là bà Trương Thúy H trình bày:*

Do quen biết nên vào khoảng giữa năm 2013, bà có vay của bà N số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*). Việc vay tiền có lập thành biên nhận; tuy nhiên, bà không giữ bản chính biên nhận mà do bà N giữ. Bà cũng không nhớ mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận là bao nhiêu. Sau đó, bà không nhớ rõ thời gian nào, bà tiếp tục hỏi vay của bà N 20.000.000 đồng; bản chính biên nhận do bà N giữ. Mức lãi suất mà bà N đã nhận là 30%/tháng; bà không nhớ số tiền lãi mà bà N đã nhận vì việc giao nhận tiền lãi không có sổ sách và không có người chứng kiến.

Tiếp đó, cũng không nhớ rõ thời gian nào, bà có vay thêm của bà N 20.000.000 đồng. Cũng như 02 lần vay trước, bản chính biên nhận do bà N giữ. Mức lãi suất mà bà N đã nhận của bà là 30%/tháng; bà cũng không nhớ số tiền lãi mà bà N đã nhận vì việc giao nhận tiền lãi cũng không có sổ sách và không có người chứng kiến.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N thì bà cho rằng số tiền bà N khởi kiện là đã có khoản lãi nhập vốn, tuy nhiên bà hoàn toàn không có bất kỳ tài liệu chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày. Bà chỉ thừa nhận còn nợ bà N số tiền vốn gốc

là 60.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà N số tiền này, không đồng ý trả số tiền 150.000.000 đồng như bà N đã khởi kiện.

Về chứng cứ là 02 biên nhận mà bà N khởi kiện thì bà thừa nhận chữ ký tên, lấn tay thể hiện tại Hợp đồng vay tiền ngày 27/01/2015 và Biên nhận ngày 10/02/2015 là của bà nhưng do bà N ép buộc bà ký tên và lấn tay.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về tố tụng:**

Bà Nguyễn Thị Hoàng N khởi kiện yêu cầu bà Trương Thúy H phải trả số tiền vay còn nợ nên quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bà H với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại khóm 3, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Bà H có yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

#### **[2] Về nội dung:**

Bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải có trách nhiệm trả dứt số tiền vay còn nợ vốn gốc tổng cộng là 150.000.000 đồng. Chứng minh cho yêu cầu của mình, bà N có cung cấp Bản gốc Hợp đồng vay tiền ngày 27/01/2015 và Biên nhận ngày 10/02/2015 có chữ ký, ghi họ tên và điểm chỉ của bà H. Quá trình giải quyết vụ án, bà H thừa nhận chữ ký, ghi họ tên và điểm chỉ trong Hợp đồng vay tiền ngày 27/01/2015 và Biên nhận ngày 10/02/2015 là của bà. Do đó, đã có căn cứ xác định việc bà H có vay tiền của bà N và vẫn còn nợ vốn gốc tổng cộng là 150.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày là có thật. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 471 và khoản 1 Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005 nghĩ nên chấp nhận.

Về việc bà H cho rằng bà N ép buộc bà ký, ghi họ tên và điểm chỉ trong Hợp đồng vay tiền ngày 27/01/2015 và Biên nhận ngày 10/02/2015, đồng thời nại rằng số nợ này xuất phát từ số nợ vay trong năm 2013 là 60.000.000 đồng do bà không có khả năng trả lãi với mức lãi suất 30%/tháng nên bà N đã nhiều lần tính lãi nhập vốn thành số tiền 150.000.000 đồng. Xét thấy, lời trình bày này của bà H không được bà N xác nhận và bà H cũng không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào để

chứng minh; mặt khác, bà H là người đã trưởng thành, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự cũng như khả năng nhận thức của mình nên bà có quyền từ chối ký nhận bất kỳ loại giấy tờ nào khi bị người khác đe dọa, ép buộc. Do đó, yêu cầu được trả số nợ 60.000.000 đồng của bà H không đủ cơ sở để HĐXX xem xét chấp nhận.

[3] Án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005634 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Tuy bà H thuộc trường hợp người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn, giảm án phí nên bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ thanh toán nợ là  $150.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 7.500.000 \text{ đồng}$  (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 471, khoản 1 Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Xử:**

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hoàng N. Buộc bà Trương Thúy H có nghĩa vụ thanh toán cho bà N số tiền là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Hoàng N đồng ý hoàn trả lại cho bà H 01 bản chính Giấy chứng minh nhân dân của bà H và 01 thẻ ATM của bà H tại Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang.**

**3. Án phí:**

Bà Nguyễn Thị Hoàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005634 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Bà Trương Thúy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch đối với nghĩa vụ thanh toán nợ là 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh AG;
- VKSND Tp. Long Xuyên;
- Chi cục THADS Tp. Long Xuyên;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Xuân Thu**